

Bản án số: 376/2025/DS-ST

Ngày: 25/8/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Huỳnh Thị Khả Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-DS ngày 04/3/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 04/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2025/QĐST-DS ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Tài chính S

Địa chỉ: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C, A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nguyễn Thành T (có mặt)

Địa chỉ: C V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 31/2025/GUQ-VNE-PTT ký ngày 07/01/2025)

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Nhất T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: 63/1B ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 63/1B ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Nguyễn Thành T trình bày:

Công ty Tài chính S (sau đây gọi tắt là “Công ty Tài chính S”) và ông Huỳnh Nhất T1 đã ký kết Hợp đồng cho vay số 100141645 ngày 04/10/2019, bao gồm cả Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay, Lịch trả nợ, Cam kết nhận nợ và Yêu cầu

giải ngân (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng cho vay”) với nội dung như sau:

- Số tiền cho vay: 68.000.000đồng; Lãi suất vay: 29%/năm; Kỳ hạn vay: 48 kỳ (48 tháng), thanh toán vào ngày 16 hàng tháng theo Lịch trả nợ; Phương thức trả nợ gốc và lãi: Nợ gốc và lãi cùng được thanh toán trong nhiều kỳ hạn, mỗi tháng 01 lần vào ngày 16 hàng tháng; Loại hình vay: Tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo); Mục đích vay: Mua phương tiện đi lại.

- Khi đến hạn thanh toán mà ông T1 không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo Hợp đồng, thì ông T1 phải trả lãi tiền vay như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; Trường hợp ông T1 không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10% /năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Bất kể số dư nợ gốc của khoản thanh toán hàng tháng nào của ông T1 mà Công ty Tài chính S không nhận được đầy đủ và đúng hạn vào ngày thanh toán của kỳ thanh toán được quy định tại Lịch trả nợ thì toàn bộ số dư nợ gốc của kỳ thanh toán đó được tự động chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày thanh toán của kỳ thanh toán đó theo Lịch trả nợ và ông T1 phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất theo quy định tại Hợp đồng.

Cùng thời điểm ký kết Hợp đồng, Công ty Tài chính S đã tiến hành giải ngân cho ông T1. Từ tháng 10/2019 đến tháng 03/2021, ông T1 đã thanh toán cho Công ty Tài chính S được 18 kỳ với tổng số tiền là 42.858.728đồng. Sau đó, ông T1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty Tài chính S và vi phạm nghĩa vụ theo quy định điểm g Khoản 7.2 Điều 7 của Bản Điều khoản cơ bản đính kèm Hợp đồng cho vay số 100141645 (gọi tắt là “Bản điều khoản cơ bản”): *“Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán khoản vay đúng hạn và phối hợp với bên cho vay để xử lý nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay...”*. Như vậy, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi định kỳ theo Lịch trả nợ, cụ thể như sau: Số kỳ quá hạn chưa thanh toán (30 kỳ), từ kỳ thứ 19 (tháng 04/2021) đến kỳ thứ 48 (tháng 09/2023).

Như vậy, việc ông T1 không hoàn trả đầy đủ số tiền nêu trên cho Công ty Tài chính S đã vi phạm Hợp đồng mà hai bên ký kết. Công ty Tài chính S yêu cầu ông Thanh Thanh T2 toàn bộ khoản nợ tính đến ngày xét xử là 144.483.206 đồng, gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán 50.251.790đồng; Số tiền lãi trong hạn 21.030.945đồng; Số tiền lãi quá hạn là 65.563.996đồng; Lãi chậm trả trên lãi trong kỳ là 7.636.474đồng. Đồng thời ông T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Huỳnh Nhất T1 vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có địa chỉ tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay số 100141645 ngày 04/10/2019 (bao gồm cả Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay, Lịch trả nợ, Cam kết nhận nợ và Yêu cầu giải ngân), sao kê chi tiết các giao dịch, bảng kê tính lãi của ông Huỳnh Nhất T1 và các tài liệu khác do Công ty Tài chính S cung cấp và lời khai của Công ty Tài chính S thì có cơ sở xác định:

[3.3.1] Công ty Tài chính S và ông Huỳnh Nhất T1 ký Hợp đồng cho vay số 100141645 ngày 04/10/2019 (bao gồm cả Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay, Lịch trả nợ, Cam kết nhận nợ và Yêu cầu giải ngân, sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho vay) với nội dung thỏa thuận như sau: Số tiền cho vay là 68.000.000đồng; Lãi suất vay là 29%/năm; Kỳ hạn vay là 48 tháng (48 kỳ), thanh toán vào ngày 16 hàng tháng theo Lịch trả nợ; Phương thức trả nợ gốc và lãi: Nợ gốc và lãi cùng được thanh toán trong 48 kỳ tương ứng với 48 tháng, kỳ đầu tiên thanh toán vào ngày 16/10/2019, kỳ cuối cùng thanh toán vào ngày 16/9/2023, thanh toán mỗi kỳ 01 lần vào ngày 16 hàng tháng (2.376.091đồng/kỳ, kỳ cuối cùng là 2.376.096đồng); Loại hình vay là tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo); Mục đích vay là để mua phương tiện đi lại. Khi đến hạn thanh toán mà ông T1 không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo Hợp đồng, thì ông T1 phải trả lãi tiền vay như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; Trường hợp ông T1 không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10% /năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi chậm trả này có thể thay đổi theo quy định nội bộ của bên cho vay tùy từng thời điểm, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành; Bất kể số dư nợ gốc của khoản thanh toán hàng tháng nào của ông T1 mà Công ty Tài chính S không nhận được đầy đủ và đúng hạn vào ngày thanh toán của kỳ thanh toán được quy định tại Lịch trả nợ thì toàn bộ số dư nợ gốc của kỳ thanh toán đó được tự động chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày thanh toán của kỳ thanh toán đó theo L trả nợ và ông T1 phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất áp dụng bằng

150% lãi suất theo quy định tại Hợp đồng ($150\% \times 29\%/năm$).

[3.3.2] Công ty Tài chính S đã tiến hành giải ngân số tiền vay cho ông T1 vào ngày 04/10/2019. Sau đó, ông T1 đã thanh toán cho Công ty Tài chính S được 18 kỳ (các kỳ từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2021) với tổng số tiền là 42.858.728đồng, trong đó từ tháng 11/2020 trở đi ông T1 không thanh toán đúng hạn và từ tháng 6/2021 đến nay, ông T1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định điểm g Khoản 7.2 Điều 7 của Bản điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay. Tính đến ngày 25/8/2025, ông T1 còn nợ Công ty Tài chính S số tiền tổng cộng là 144.483.206đồng, gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán 50.251.790đồng; Số tiền lãi trong hạn 21.030.945đồng; Số tiền lãi quá hạn là 65.563.996đồng; Lãi chậm trả trên lãi trong kỳ là 7.636.474đồng.

[4] Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính S và buộc ông T1 trả cho Công ty Tài chính S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2025 là 144.483.206 đồng và ông T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.224.160đồng, ông T1 phải chịu. Trả lại cho Công ty Tài chính S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính S.

Buộc ông Huỳnh Nhất T1 phải trả cho Công ty Tài chính S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2025 là 144.483.206đ (một trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay số 100141645 ngày 04/10/2019 (bao gồm cả Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay, Lịch trả nợ,

Cam kết nhận nợ và Yêu cầu giải ngân). Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính S thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2/Án phí:

Ông Huỳnh Nhất T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 7.224.160đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Công ty Tài chính S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.189.065đồng theo Biên lai thu số 0081723 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV 8 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV 8 – TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam